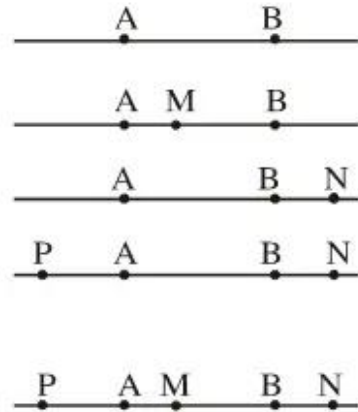


§6. Đoạn thẳng

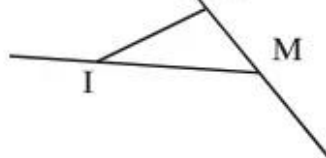
30. (h.38) 

Hình 38

31. (h.39) a) Đường thẳng AB
 b) $M \in$ đoạn thẳng AB
 c) $N \in$ tia AB, $N \notin$ đoạn thẳng AB
 d) $P \in$ tia BA, $P \notin$ đoạn thẳng BA
 e) Điểm M nằm giữa A, B
 g) Điểm M nằm giữa N, P.



Hình 39

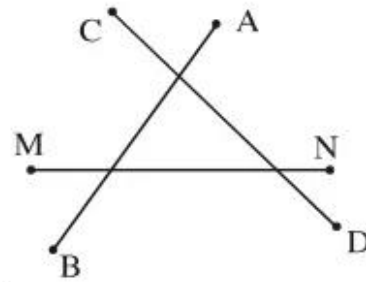
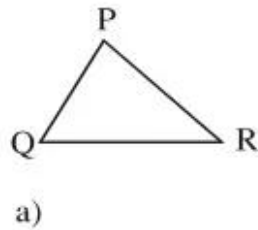
32. (h.40) 

Hình 40

148

- 6.2. a) Các đoạn thẳng là: AB, AC, AD, AO, BO, BD, BC, CO, CD, DO.
 b) Các đoạn thẳng cắt đoạn thẳng AB là: AO, AC, AD, BO, BC, BD.
 c) Các đoạn thẳng cắt tia OA là: AD, AB, DO, BO, DB.
 d) Các đường thẳng cắt đoạn thẳng OD là: AC, AD, CD.
- 6.3. Các câu có trong bài này đều sai, vì hình chỉ gồm hai điểm không phải là một đoạn thẳng.

33. (h.41)



Hình 41

34*. *Đề 1* : Vẽ ba đoạn thẳng sao cho mỗi đoạn thẳng cắt hai đoạn thẳng còn lại tại đầu mút của chúng, rồi vẽ đường thẳng a cắt hai trong ba đoạn thẳng đó. Đặt tên cho các giao điểm.

Đề 2 : Cho ba điểm không thẳng hàng A, B, C . Vẽ các đoạn thẳng AB, BC, CA . Vẽ đường thẳng a cắt AC và BC tương ứng tại D và E .

35*. *Đề 1* : Cho ba điểm không thẳng hàng O, A, B . Vẽ hai tia OA, OB sau đó vẽ tia Ot cắt đoạn thẳng AB tại điểm I nằm giữa A, B .

Đề 2 : Vẽ hai tia chung gốc OA, OB . Lấy I là điểm nằm giữa A và B . Vẽ tia Ot chứa điểm I .

Đề 3 : Vẽ hai tia chung gốc OA, OB . Vẽ tia Ot cắt đoạn thẳng AB tại điểm I nằm giữa A và B .

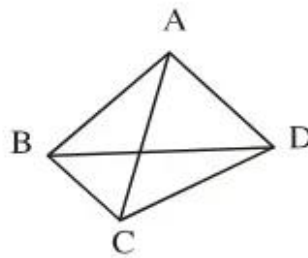
36. Học sinh tự vẽ.

37. a) Hình 42

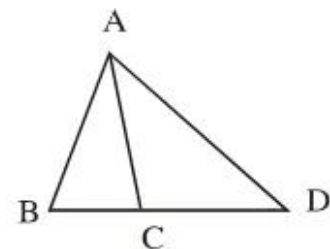
b) Hình 43.

Trong cả hai trường hợp ta đều có 6 đoạn thẳng là :

$AB, BC, CD,$
 $DA, AC, BD.$



Hình 42



Hình 43

Bài tập bổ sung

6.1. a) 1.

b) 3. (Vẽ hình khi ba điểm cho trước thẳng hàng và khi ba điểm cho trước không thẳng hàng)

c) 6. (Vẽ hình khi bốn điểm cho trước nằm trên một đường thẳng, khi trong bốn điểm cho trước có ba điểm thẳng hàng, khi bốn điểm cho trước không có ba điểm nào thẳng hàng)